

**NGHỊ QUYẾT**

Quy định nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của  
Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Lai Châu



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU  
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ HAI

*Căn cứ Luật Tổ chức hình quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Xét Tờ trình số 212/TTr-HĐND ngày 20/7/2016 của Thường trực HĐND tỉnh về quy định nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 218/BC-HĐND ngày 21/7/2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Lai Châu.

**2. Đối tượng áp dụng**

Đại biểu Hội đồng nhân dân và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của HĐND và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

**3. Nguyên tắc thực hiện**

a) Kinh phí hoạt động của HĐND cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm.

b) Đại biểu HĐND các cấp, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng, Đoàn thể tham gia các hoạt động của HĐND được thanh toán tiền công tác phí, các khoản chi khác theo quy định tại Nghị quyết này từ nguồn kinh phí hoạt động của HĐND, do HĐND cấp triệu tập chi trả.

c) Các khoản chi đặc thù khác chưa được quy định tại Nghị quyết này, Thường trực HĐND các cấp căn cứ chế độ chính sách và tình hình thực tế quyết định.

#### **4. Nội dung, mức chi (có biểu chi tiết kèm theo)**

**Điều 2.** Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 66/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Lai Châu.

#### **Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

#### **Điều 4.** Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khoá XIV Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 28 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 10/8/2016.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND, UBND; UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Vũ Văn Hoàn**

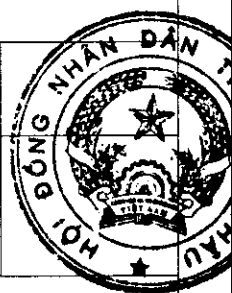
## BIỂU CHI TIẾT



quy định nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của  
Hội đồng nhân các cấp tỉnh Lai Châu

(Quyết số 45 /2016/NQ-HĐND ngày 28 /7/2016 của HĐND tỉnh)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	HĐND tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
<b>I</b>	<b>Kỳ họp, hội nghị, phiên họp của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND</b>				
<b>1</b>	<b>Kỳ họp, hội nghị của HĐND</b>				
<b>1.1</b>	<b>Chi bồi dưỡng</b>				
-	Người chủ trì	đồng/người/buổi	200.000	150.000	100.000
-	Thư ký kỳ họp	đồng/người/buổi	150.000	100.000	70.000
-	Đại biểu HĐND, thành phần tham dự theo giấy mời	đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000
-	Nhân viên phục vụ, Phóng viên	đồng/người/buổi	70.000	50.000	30.000
<b>1.2</b>	Chi hỗ trợ tiền ăn cho các đại biểu, công chức trong thời gian diễn ra kỳ họp, hội nghị	đồng/người/ngày	200.000	150.000	100.000
<b>1.3</b>	Chi tiền ngủ cho đại biểu, công chức ở xa: Mức chi áp dụng theo quy định hiện hành (các đại biểu không có nhu cầu ngủ do văn phòng bố trí thì không được thanh toán bằng tiền).				
<b>1.4</b>	<b>Thảo luận của các tổ đại biểu HĐND tại kỳ họp</b>				
-	Tổng hợp ý kiến thảo luận của Tổ đại biểu	đồng/báo cáo	300.000	200.000	
-	Báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận của các tổ đại biểu HĐND tại kỳ họp	đồng/báo cáo	400.000	300.000	
<b>1.5</b>	<b>Soạn thảo các văn bản tại kỳ họp HĐND, phiên họp của Thường trực HĐND</b>				
-	Dự thảo nghị quyết (không phải văn bản QPPL)	đồng/nghị quyết	500.000	300.000	150.000
-	Thẩm định, chỉnh lý, hoàn thiện Nghị quyết trước khi trình Chủ tịch HĐND ký chứng thực	đồng/nghị quyết	300.000	200.000	100.000
<b>1.6</b>	<b>Viết bài tham luận hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động của HĐND</b>				
-	Cấp khu vực	đồng/bài		1.000.000	
-	Hai cấp tỉnh - huyện	đồng/bài		800.000	
-	Hai cấp huyện - xã	đồng/bài		300.000	
<b>2</b>	<b>Phiên họp của Thường trực HĐND, Ban của HĐND</b>				
-	Bồi dưỡng người chủ trì	đồng/người/buổi	150.000	100.000	50.000
-	Bồi dưỡng đại biểu HĐND, thành phần mời dự họp theo giấy mời	đồng/người/buổi	100.000	70.000	35.000



STT	Nội dung	Đơn vị tính	HĐND tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
-	Bồi dưỡng nhân viên phục vụ, Phóng viên	đồng/người/buổi	70.000	50.000	20.000
3	<b>Họp tổ đại biểu</b>	đồng/cuộc	500.000	300.000	
<b>II</b>	<b>Hoạt động thẩm tra văn bản trình kỳ họp</b>				
1	Bồi dưỡng người chủ trì	đồng/người/buổi	150.000	100.000	50.000
2	Bồi dưỡng đại biểu HĐND, thành phần tham dự theo giấy mời	đồng/người/buổi	100.000	50.000	35.000
3	Soạn thảo báo cáo thẩm tra trình kỳ họp HĐND	đồng/báo cáo	500.000	350.000	150.000
<b>III</b>	<b>Hoạt động giám sát, khảo sát</b>				
1	Soạn thảo Quyết định, kế hoạch, đề cương giám sát.	đồng/cuộc	350.000	250.000	150.000
2	Soạn thảo Quyết định, kế hoạch, đề cương khảo sát.	đồng/cuộc	300.000	200.000	100.000
3	<b>Chi bồi dưỡng</b>				
-	Trưởng đoàn	đồng/người/buổi	100.000	70.000	35.000
-	Thành phần tham gia đoàn giám sát, khảo sát theo quyết định	đồng/người/buổi	50.000	35.000	15.000
-	Nhân viên phục vụ, Phóng viên	đồng/người/buổi	35.000	25.000	
4	Soạn thảo báo cáo kết quả giám sát	đồng/báo cáo	550.000	400.000	200.000
5	Soạn thảo báo cáo kết quả khảo sát	đồng/báo cáo	500.000	350.000	150.000
<b>IV</b>	<b>Hoạt động tiếp xúc cử tri (Tiền hỗ trợ các điểm tiếp xúc cử tri cấp nào thực hiện ở cấp đó; trường hợp có sự phối hợp nhiều cấp tại một điểm thì hỗ trợ mức của HĐND cấp cao nhất)</b>				
1	Xây dựng kế hoạch, đề cương tiếp xúc cử tri	đồng/cuộc	350.000	250.000	150.000
2	Điểm tiếp xúc cử tri	đồng/điểm	2.000.000	1.500.000	1.000.000
3	<b>Chi bồi dưỡng</b>				
-	Đại biểu HĐND	đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000
-	Công chức, nhân viên trực tiếp, phục vụ, phóng viên	đồng/người/buổi	50.000	35.000	20.000
4	<b>Báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri</b>				
-	Báo cáo của tổ đại biểu	đồng/báo cáo	200.000	150.000	100.000
-	Báo cáo tổng hợp kết quả tiếp xúc cử tri	đồng/báo cáo	300.000	200.000	150.000
<b>V</b>	<b>Mời chuyên gia tư vấn để phục vụ hoạt động của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND</b>				
	Chi hỗ trợ chuyên gia tư vấn	đồng/văn bản	300.000	250.000	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	HĐND tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
<b>VI</b>	<b>May lễ phục</b>				
1	Đại biểu HĐND	đồng/người/nhiệm kỳ	4.000.000	3.000.000	2.000.000
2	Công chức, viên chức phục vụ trực tiếp	đồng/người/nhiệm kỳ	3.000.000	2.000.000	1.000.000
<b>VII</b>	<b>Chi mua báo người Đại biểu nhân dân</b>				
	Hàng tháng	số báo/tháng	Mỗi đại biểu được cấp 01 số báo	Mỗi đại biểu được cấp 01 số báo	Mỗi xã, phường, thị trấn được cấp 03 số báo
<b>VIII</b>	<b>Thăm hỏi đại biểu và thân nhân của đại biểu HĐND</b>				
<b>1</b>	<b>Đại biểu HĐND</b>				
-	Ôm phải điều trị nội trú tại bệnh viện	đồng/lần	800.000	500.000	200.000
-	Mắc bệnh hiểm nghèo, thiên tai hoả hoạn	đồng/lần	1.000.000	800.000	400.000
-	Từ trần	đồng/người	2.000.000	1.500.000	700.000
<b>2</b>	<b>Thân nhân của đại biểu HĐND từ trần</b>				
-	Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng), con (gồm cả đồ lễ)	đồng/người	1.000.000	500.000	300.000

